

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808803)

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 33...

Số bài thi: 33...

Số tờ giấy thi: 33...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	CCQ2305D	1		5.3	6.9	6.3
2	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D	2		7.0	7.3	7.2
3	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	3		7.8	6.9	7.3
4	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	4		8.0	6.8	7.3
5	2123050171	Não Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D	5		7.8	4.8	6.0
6	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	6		7.5	6.7	7.0
7	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	7		8.0	5.2	6.3
8	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	8		8.0	6.0	6.8
9	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	9		8.0	7.3	7.6
10	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D	10		7.9	7.5	7.7
11	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	CCQ2305D	11		8.0	8.9	8.5
12	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	12		8.0	8.1	8.1
13	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D	13		8.0	3.9	5.5
14	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	14		7.7	5.9	6.6
15	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	15		7.9	6.9	7.3
16	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	16		7.7	6.1	6.7
17	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	17		7.9	9.3	8.7
18	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	18		8.2	8.7	8.5
19	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	19		7.7	8.7	8.3
20	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	20		6.3	8.5	7.6
21	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	21		7.9	8.5	8.3
22	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	22		7.4	8.3	7.9
23	2123050190	Trần Hữu Nam	Khánh	19/11/2005	CCQ2305D	24		7.7	6.1	6.7
24	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	34		7.0	7.7	7.4
25	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	25		7.9	7.9	7.9
26	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	26		8.0	6.8	7.3
27	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D	27		7.5	7.9	7.7
28	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	28		8.3	6.8	7.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

TRƯỞNG
ƯNG NGUYỄN ĐÌNH

Môn học: Vật liệu điện (22808803)

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 33..

Số bài thi:33...

Số tờ giấy thi: 33..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	20	du	7.4	8.7	8.2	
30	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	30	lu	8.3	9.7	9.1	
31	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D	31	ng	6.7	4.9	5.6	
32	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	32	vu	7.7	5.1	6.1	
33	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	33	ph	6.8	7.3	7.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808803)

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1		7.4	8.6	5.1	
2	2123050143	Cao Lâm Triều Phát	19/01/2004	CCQ2305D	1		7.3	7.7	7.5	
3	2123050121	Mai Võ Tuấn Phong	10/09/2005	CCQ2305C			0.0			
4	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1		7.5	8.1	7.9	
5	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D	1		7.9	7.9	7.9	
6	2123050125	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	1		8.3	9.2	8.8	
7	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C			0.0			
8	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1		6.7	6.8	6.8	
9	2123050227	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E	1		6.2	7.2	6.8	
10	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1		7.9	7.0	7.4	
11	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1		8.0	7.7	7.8	
12	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1		7.9	5.6	6.5	
13	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	1		7.3	6.7	6.9	
14	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D	1		6.7	7.7	7.3	
15	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1		7.5	6.4	6.8	
16	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D	1		6.3	7.2	6.8	
17	2123050195	Vũ Tiến Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1		7.5	6.7	7.0	
18	2123050120	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1		7.7	7.7	7.7	
19	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	1		8.3	9.7	9.1	
20	2123050097	Nguyễn Văn Thông	01/11/2005	CCQ2305C			0.0			
21	2123050207	Nguyễn Phước Tiến	20/01/2002	CCQ2305E			0.0			
22	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	1		8.0	9.7	9.0	
23	2123050132	Nguyễn Đức Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1		7.9	6.4	7.0	
24	2123050102	Nguyễn Quốc Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1		8.3	6.6	7.3	
25	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C	1		6.3	4.9	5.5	
26	2123050114	Trần Minh Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	1		7.7	6.8	7.2	
27	2123050164	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D	1		7.2	8.0	7.7	
28	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D	1		7.5	5.3	6.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần Bui Mad *Thuy*
Đỗ Quang Huy

Môn học: Vật liệu điện (22808803)

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 29

Số bài thi:29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	1	<i>Tuấn</i>	8.0	6.0	6.8	
30	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	<i>Trần Nhật</i>	7.9	5.6	6.5	
31	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	1	<i>Tuy</i>	8.0	6.5	7.1	
32	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	CCQ2305D			0.0			
33	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	1	<i>Vọng</i>	7.9	5.9	6.7	
34	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	<i>Vũ</i>	8.4	6.7	7.4	